

Bản án số: 25/2021/DS-ST  
Ngày 17-3-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ánh N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn ĐĐ, huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trương Thanh T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp TL, xã TD, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị Mỹ T; nơi cư trú: Khóm B, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Hồng Hào; nơi cư trú: Khóm B, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Trương Thanh T trình bày:* Bà Trần Ánh N đã cho ông Nguyễn Hồng H, bà Phạm Thị Mỹ T vay nhiều lần với số tiền 470.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 06/02/2016al, bà N cho vay 100.000.000đ. Ngày 18/9/2016al, bà N cho vay thêm 40.000.000đ. Ngày 09/6/2017, bà N cho vay 50.000.000đ. Ngày

12/01/2018, bà N cho vay 60.000.000đ. Ngày 16/01/2018a1, bà N cho vay 200.000.000đ. Ngày 14/9/2018a1, bà N cho vay 20.000.000đ. Sau khi cho vay, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà T trả số tiền nợ trên nhưng đến nay vẫn không trả. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 470.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Đối với ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và bà T là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông H và bà T trả số tiền 470.000.000đ, thấy rằng: Theo các biên nhận nợ (tại các bút lục số 04, 05, 06, 07, 08 và 09) có đủ cơ sở Hội đồng xét xử xác định: Bà N đã cho ông H, bà T vay nhiều lần với tổng số tiền 470.000.000đ. Cụ thể: Ngày 06/02/2016a1, bà N cho vay 100.000.000đ. Ngày 18/9/2016a1, bà N cho vay thêm 40.000.000đ. Ngày 09/6/2017, bà N cho vay 50.000.000đ. Ngày 12/01/2018, bà N cho vay 60.000.000đ. Ngày 16/01/2018a1, bà N cho vay 200.000.000đ. Ngày 14/9/2018a1, bà N cho vay 20.000.000đ. Theo bà N cho rằng ông H và bà T còn nợ bà số tiền 470.000.000đ. Đồng thời, ông H và bà T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 470.000.000đ.

[3] Xét về án phí dân sự: Bà N không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại. ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.000.000đ x 4% x 70.000.000đ= 22.800.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ánh N.

1. Buộc ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ánh N số tiền là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trần Ánh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Mỹ T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H và bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Trần Ánh N không phải chịu, ngày 11/12/2020 bà N nộp tạm ứng án phí số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011620 được nhận lại. Ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Mỹ T phải chịu 22.800.000đ (hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Quốc Trọng**